



Tuyên Quang, ngày 18 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Xét Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 64/BC-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(Có Quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các của Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2012 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2012./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Viện KSND tỉnh;
- Tòa án ND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Lưu: VT, CV VP HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Sáng Vang

Một số mức chi đặc thù Bảo đảm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2012 của HĐND tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 4)



TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI (1.000 đồng)		GHI CHÚ
			CẤP TỈNH (tối đa)	CẤP HUYỆN (tối đa)	
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch (bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra); họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra				
a	Chi trả cuộc họp	Người/buổi	150	150	
b	Các thành viên tham dự	Người/buổi	100	80	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 báo cáo/01 văn bản	480	390	
3	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản	01 văn bản	100	80	
4	Chi thù lao công tác viên kiểm tra văn bản				
a	Mức chi chung	01 văn bản	110	90	

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI (1.000 đồng)		GHI CHÚ
			CẤP TỈNH (tối đa)	CẤP HUYỆN (tối đa)	
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	250	200	
5	Chỉ soạn thảo, viết báo cáo				
a	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật	01 báo cáo	200	160	
b	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực ở địa phương (bao gồm cả báo cáo liên ngành và báo cáo của từng Sở ngành, huyện)	01 báo cáo	800	640	
c	Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan	01 báo cáo	1.200	1.000	
6	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng				Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
7	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản				
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản	01 văn bản	80	80	

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI (1.000 đồng)		CHI CHÚ
			CẤP TỈNH (tối đa)	CẤP HUYỆN (tối đa)	
b	Chi rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định	01 văn bản	80	65	
c	Chi thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật				
c.1	Đổi với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí				Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
c.2	Đổi với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 tài liệu (01 văn bản)	55	55	Khoản chi này không áp dụng đổi với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo
8	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản				Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI (1.000 đồng)		GHI CHÚ
			CẤP TỈNH (tối đa)	CẤP HUYỆN (tối đa)	
9	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu và văn phòng phẩm...				Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.